

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

---

**NGUYỄN THỊ MAI HOA**

**HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ƯU ĐÃI  
HỘ NGHÈO TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI,  
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SỸ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2012**

Công trình hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. VÕ THỊ THÚY ANH**

Phản biện 1: **PGS.TS. LÂM CHÍ DŨNG**

Phản biện 2: **PGS.TS. NGUYỄN NGỌC VŨ**

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 18 tháng 02 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Đói nghèo là một vấn đề xã hội mang tính toàn cầu. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới đói nghèo, trong đó có một nguyên nhân quan trọng đó là thiếu vốn sản xuất kinh doanh, chính vì vậy Đảng và Nhà nước ta đã xác định tín dụng Ngân hàng là một mắt xích không thể thiếu trong hệ thống các chính sách phát triển kinh tế xã hội xoá đói giảm nghèo của Việt Nam.

Xuất phát từ những yêu cầu đòi hỏi trên đây, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định thành lập Ngân hàng Chính sách Xã hội, trên cơ sở tổ chức lại Ngân hàng Phục vụ người nghèo để thực hiện nhiệm vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Trong quá trình cho vay hộ nghèo thời gian qua cho thấy nổi lên vấn đề là tăng trưởng tín dụng chưa đều, khả năng tiếp cận vốn tín dụng còn thấp làm ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng, quy trình tín dụng hộ nghèo chưa thật sự bền vững. Vì vậy, làm thế nào để người nghèo nhận được và sử dụng có hiệu quả vốn vay, chất lượng tín dụng được nâng cao nhằm bảo đảm cho sự phát triển bền vững của nguồn vốn tín dụng, đồng thời người nghèo thoát khỏi cảnh nghèo đói là một vấn đề được cả xã hội quan tâm.

Với những lý do nêu trên, tôi mạnh dạn chọn đề tài : "**Hoàn thiện hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo tại Ngân hàng Chính sách Xã hội, Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng**". Nhằm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp hoàn thiện trong hoạt động tín dụng hộ nghèo.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về đói nghèo, tín dụng đối với hộ nghèo.

- Phân tích, đánh giá thực trạng cho vay hộ nghèo tại NHCSXH thành phố Đà Nẵng.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động tín dụng hộ nghèo tại NHCSXH thành phố Đà Nẵng.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động tín dụng đối với hộ nghèo.

- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu cho vay hộ nghèo tại NHCSXH Chi nhánh thành phố Đà Nẵng từ năm 2006 đến 2010.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng phương pháp quan sát khoa học, phương pháp điều tra bằng bảng câu hỏi, phương pháp tổng hợp, chứng minh, diễn giải, sơ đồ, thống kê, phân tích hoạt động kinh tế và xử lý hệ thống trong trình bày luận văn.

### **5. Nội dung khoá luận**

Ngoài phần mở đầu và kết luận bản luận văn được kết cấu thành 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về tín dụng ưu đãi hộ nghèo.

Chương 2: Thực trạng hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo tại NHCSXH chi nhánh Thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo tại NHCSXH chi nhánh Thành phố Đà Nẵng.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÍN DỤNG ƯU ĐÃI HỘ NGHÈO**

#### **1.1 Khái niệm và đặc điểm của hộ nghèo.**

##### ***1.1.1 Các khái niệm về nghèo đói***

Nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư nghèo có mức sống dưới mức sống tối thiểu và thu nhập không đủ đảm bảo nhu cầu về vật chất để duy trì cuộc sống

##### ***1.1.2 Các chuẩn mực đánh giá nghèo đói***

Theo Quyết định 09/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015 như sau:

- Khu vực nông thôn: những hộ có mức thu nhập bình quân từ 400.000đồng/người/tháng trở xuống là hộ nghèo
- Khu vực thành thị: những hộ có mức thu nhập bình quân từ 500.000đồng/người/tháng (từ trở xuống là hộ nghèo).

##### ***1.1.3 Đặc điểm của hộ nghèo***

- Người nghèo thường rụt rè, tự ti, ít tiếp xúc, phạm vi giao tiếp hẹp.
- Bị hạn chế về khả năng nhận thức và kỹ năng sản xuất kinh doanh.
- Phong tục, tập quán sinh hoạt và những truyền thống văn hóa của người nghèo cũng tác động đến nhu cầu tín dụng.
- Người nghèo thường sử dụng vốn vào sản xuất nông nghiệp là chủ yếu hoặc những ngành nghề thủ công buôn bán nhỏ.

#### **1.2 Cơ sở lý luận về tín dụng đối với hộ nghèo**

Tín dụng đối với người nghèo là những khoản tín dụng chỉ dành riêng cho những người nghèo, có sức lao động nhưng thiếu vốn để phát triển sản xuất trong một thời gian nhất định phải hoàn trả số tiền gốc và lãi.

**Mục tiêu :** Tín dụng đối với người nghèo nhằm giúp những người nghèo đói có vốn phát triển sản xuất kinh doanh nâng cao đời sống, hoạt động vì mục tiêu xoá đói giảm nghèo, không vì mục đích lợi nhuận.

**Nguồn vốn cho vay hộ nghèo :** chủ yếu từ ngân sách Nhà nước

**Phương thức cho vay hộ nghèo :** thực hiện phương thức cho vay uỷ thác từng phần qua các tổ chức chính trị-xã hội, thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn.

***Tín dụng đối với hộ nghèo có vai trò sau :***

- Cung cấp vốn tín dụng, góp phần cải thiện thị trường tài chính cộng đồng, nơi có hộ nghèo sinh sống.

- Tín dụng ngân hàng làm giảm tệ nạn cho vay nặng lãi.

- Giúp người nghèo có việc làm, nâng cao kiến thức tiếp cận thị trường.

- Cung ứng vốn cho người nghèo góp phần xây dựng nông thôn mới.

#### ***1.2.4 Đặc điểm của tín dụng ưu đãi hộ nghèo***

Tín dụng đối với người nghèo hoạt động theo những quy định riêng:

- Các quy trình vay vốn và thủ tục vay vốn, về đảm bảo tiền vay, quy định về thời hạn vay vốn, mức đầu tư tối đa, quy định về trích lập và xử lý rủi ro, quy trình xử lý nghiệp vụ có những khác biệt so với các quy định của NHTM.

- Vốn vay được ưu đãi về thủ tục, về các điều kiện vay vốn, về lãi suất cho vay...

### **1.3 Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo**

#### ***1.3.1. Xét về mặt kinh tế***

- Các chỉ tiêu đánh giá về mặt kinh tế thể hiện qua các nội dung như:

*Thứ nhất*, quy mô tín dụng.

*Thứ hai*, chất lượng tín dụng

*Thứ ba*, thu lãi tiền vay, chi phí ủy thác, hoa hồng, trả lãi tiền vay.

*Thứ tư*, mức độ đáp ứng nhu cầu vốn hợp lý của hộ nghèo.

*Thứ năm*, khả năng tiếp cận vốn ưu đãi hộ nghèo.

### **1.3.2 Xét về mặt xã hội**

- Thể hiện qua các chỉ tiêu như số hộ thoát nghèo nhờ vốn vay, số lao động được giải quyết, giảm tỷ lệ thất nghiệp, tăng thời gian lao động ở nông thôn.

- Ổn định trật tự xã hội tại địa phương.

## **1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo**

Có 5 nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo : điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội, điều kiện kinh tế, chính sách nhà nước, bản thân hộ nghèo

### **1.5 Kinh nghiệm ở một số nước về cho vay đối với người nghèo**

Từ kinh nghiệm về cho vay đối với hộ nghèo ở một số nước : Bangladesh, Thái lan, Malaysia, Việt Nam là nước đi sau nên sẽ học hỏi và rút ra được nhiều bài học bổ ích cho mình làm tăng hiệu quả hoạt động tín dụng của Ngân hàng.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ƯU ĐÃI HỘ NGHÈO TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, CHI NHÁNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.**

#### **2.1 Tình hình đói nghèo tại thành phố Đà Nẵng**

##### **2.1.1 Tổng quan về kinh tế - xã hội thành phố**

Năm 2010, tình hình kinh tế-xã hội thành phố Đà Nẵng có những chuyển biến tích cực và tăng trưởng khá trên nhiều lĩnh vực. Các chương trình “thành phố 5 không”, “thành phố 3 có”, các chính sách xã hội mang tính nhân văn được đẩy mạnh. Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

##### **2.1.2 Thực trạng nghèo đói của thành phố**

###### **2.1.2.1 Số lượng, cơ cấu và phân bố hộ đói nghèo ở Đà Nẵng**

Đầu năm 2010 toàn thành phố có 23.296 hộ nghèo theo chuẩn mức, chiếm tỷ lệ 13,68% tổng số hộ dân cư (170.268), trong năm giảm 8.412 hộ và cuối năm 2010 số hộ nghèo còn lại 14.884 hộ (phát sinh mới 893 hộ) chiếm 8,74% trên tổng số 170.268 hộ dân cư.

###### **2.1.2.2 Nguyên nhân dẫn đến tình trạng đói nghèo thành phố Đà Nẵng**

Việc hỗ trợ vốn cho người nghèo là một trong những giải pháp quan trọng nhằm giảm nghèo.

#### **2.2 Tổng quan về chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng.**

##### **2.2.1 Sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển**

Mô hình tổ chức của Chi nhánh NHCSXH thành phố được triển khai từ Ban đại diện HĐQT đến bộ phận tác nghiệp từ thành phố đến quận, huyện.



Về mạng lưới tổ chức Chi nhánh NHCSXH thành phố gồm 1 Hội sở thành phố và 5 Phòng giao dịch quận, huyện và 45 điểm giao dịch xã, phường.

### ***2.2.2 Chức năng của Chi nhánh NHCSXH***

Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách; huy động vốn, cho vay ; nhận ủy thác cho vay ưu đãi của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, các cá nhân; kiểm tra, giám sát việc vay vốn của các tổ chức, cá nhân.

## **2.3 Khái quát hoạt động tín dụng tại Chi nhánh NHCSXH thành phố**

### ***2.3.1 Nguồn vốn***

Đến 31/12/2010 tổng nguồn vốn đạt 702.944 triệu đồng, tăng 417.966 triệu so với năm 2006, đạt 99% kế hoạch. Trong đó, nguồn vốn cân đối từ TW 658.911 triệu, chiếm 93,7% tổng nguồn vốn. Nguồn vốn cân đối từ TW tăng trưởng qua các năm, năm sau cao hơn năm trước bình quân 20%. Ngoài nguồn vốn TW chuyển về để cho vay, TW giao chỉ tiêu cho Chi nhánh thực hiện huy động vốn để cho vay. Ngoài ra, UBND thành phố đã có sự quan tâm hỗ trợ chuyển vốn sang NHCSXH để cho vay chương trình tín dụng hộ nghèo và hộ thuộc diện di dời, giải toả, mất đất sản xuất (gọi là Vốn nhận ủy thác từ địa phương).

### ***2.3.2 Các chương trình tín dụng đang thực hiện***

Cho vay hộ nghèo, cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn nước ngoài, cho vay giải quyết việc làm, cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn, cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ.

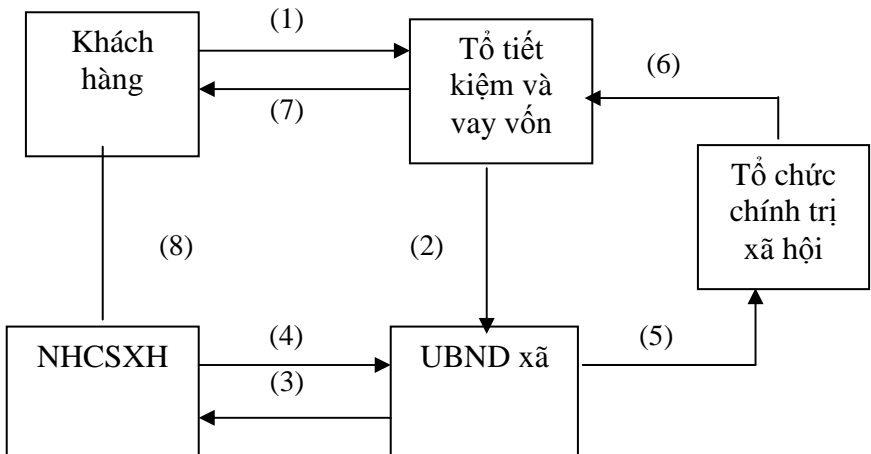
### **2.3.3 Khái quát tình hình tín dụng của NHCSXH Chi nhánh thành phố Đà Nẵng**

Hoạt động tín dụng được đánh giá là nghiệp vụ chính của NHCSXH, hoạt động tín dụng trong giai đoạn 2006-2010 đã có sự tăng trưởng cao, từ 3 chương trình nhận bàn giao ban đầu khi mới thành lập, đến cuối năm 2010 NHCSXH thành phố Đà Nẵng đã thực hiện 7 chương trình tín dụng. Đối tượng thu hưởng chính sách đa dạng hơn; khối lượng tín dụng hàng năm tăng trưởng cao. Tổng dư nợ đến 31/12/2010 đạt 698.142 triệu đồng, tăng 416.000 triệu đồng, gấp 5 lần so với khi nhận bàn giao, trên 60.000 lượt hộ nghèo và đối tượng chính sách có quan hệ vay vốn ở tất cả các xã, phường trong thành phố;

Trong các chương trình cho vay, cho vay hộ nghèo chiếm tỷ trọng cao nhất 52% so với tổng dư nợ.

## **2.4 Tình hình hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo tại NHCSXH chi nhánh thành phố Đà Nẵng**

### **2.4.1 Quy trình tín dụng hộ nghèo của NHCSXH**



### *Phương thức tín dụng đối với hộ nghèo*

Thực hiện theo phương thức ủy thác cho vay thông qua các tổ chức chính trị-xã hội. Việc bình xét đối tượng, số tiền, thời hạn cho vay do tổ vay vốn và các tổ chức hội cấp xã đảm nhận. NHCSXH thực hiện việc giải ngân trực tiếp đến hộ vay. Việc giải ngân, thu lãi, thu nợ gốc tại điểm giao dịch tại xã đối với những xã có điểm giao dịch. Việc thu lãi, đôn đốc thu nợ gốc khi đến hạn NHCSXH ủy thác cho tổ vay vốn.

Tuy nhiên, từ thực tế việc triển khai quy trình tín dụng hộ nghèo trong thời gian qua còn một số hạn chế, khó khăn nhất định đó là:

- Phương thức cho vay hộ nghèo đơn giản nhưng còn không ít trở ngại, còn hạn chế về số lượng vốn và phải đủ số thành viên để thành lập tổ mới được vay

- Việc bình xét cho vay còn tồn tại hiện tượng chưa công khai, dân chủ, còn cào bằng về hạn mức cho vay

- Một số cấp hội, tổ TK&VV chưa thực hiện đầy đủ, hiệu quả 6 công đoạn ủy thác.

- Quy trình thu hồi nợ gặp khó khăn, tồn tại: Số lượng cán bộ tác nghiệp mỏng, số khách hàng trả nợ và tổ trưởng giao dịch tương đối lớn nên vào ngày giao dịch chưa đáp ứng kịp thời.

- Đa số hộ vay sử dụng nguồn vốn vào mục đích buôn bán nhỏ, ngành nghề nông nghiệp mà định kỳ hạn trả nợ 6 tháng hoặc 12 tháng hộ vay trực tiếp trả nợ tại điểm giao dịch rất khó khăn cho hộ vay

#### **2.4.2 Nguồn vốn cho vay hộ nghèo**

Nguồn vốn cho vay hộ nghèo: Nguồn vốn hỗ trợ từ NHCSXH, ngân sách địa phương, vốn huy động của dân cư; trong đó, nguồn vốn hỗ trợ của TW đóng vai trò chủ đạo. Năm 2010 tổng

nguồn vốn cho vay hộ nghèo là 362.636 triệu đồng, thì nguồn vốn TW là 356.506 triệu đồng, chiếm 52% tổng nguồn vốn.

### 2.4.3 Tình hình cho vay hộ nghèo

#### 2.4.3.1. Tình hình chung

Nhờ có sự chỉ đạo và quan tâm của các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể từ thành phố tới quận, huyện và các cơ sở đã giúp cho việc giải ngân vốn tín dụng đến hộ nghèo nhanh chóng, thuận lợi.

**Bảng 2.7: Một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động tín dụng hộ nghèo của NHCSXH thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010.**

*Đvt: triệu đồng, khách hàng*

Chỉ tiêu	Năm					Tốc độ tăng trưởng			
	2006	2007	2008	2009	2010	07/ 06	08/ 07	09 /08	10/ 09
1. Dư nợ	228.776	274.571	299.823	327.736	362.636	120	109	109	110
-Nợ quá hạn	3.496	2.761	2.215	8.176	9.732	79	80	369	119
Tỷ lệ NQH (%)	1,53	1,01	0,74	2,49	2,68				
- Nợ khoanh	748	631	394	2.198	1.817	84	62	557	83
Tỷ lệ NK (%)	0,33	0,23	0,13	0,67	0,5				
- Nợ CD XT	1.165	1.324	2.047	1.511	1.245	114	155	74	82
Tỷ lệ CDXT	0,51	0,48	0,68	0,46	0,34				
2. Số hộ dư nợ	51.899	59.080	48.644	39.773	37.951	114	82	82	95
Dư nợ B.Q/ hộ	4,08	5,33	6,16	8,24	10,5				
3.Số tổ dư nợ	4.500	3.888	1.685	1.776	1.460	86	43	105	82
4.Số lượt hộ VV	16.075	21.837	11.031	8.500	8.905	136	51	77	105
5. Hộ thoát nghèo	6.100	6.652	5.171	7.000	9.305	109	78	135	133

*(Nguồn: Chi nhánh NHCSXH thành phố Đà Nẵng)*

Qua bảng số liệu cho thấy dư nợ của toàn thành phố tăng đều trong 5 năm (2006-2010), với tốc độ tăng bình quân 10%; tỷ lệ **nợ quá hạn, nợ khoanh** giảm dần qua các năm (2006-2008). Năm 2009, tỷ lệ nợ quá hạn tăng đột biến. Đến 31/12/2010 nợ quá hạn tăng lên 9.732 triệu, chiếm tỷ lệ 2,68%, nợ khoanh năm 2010 thu hồi 381 triệu so với năm 2009 nên giảm còn 1.817 triệu, chiếm 0,5%/tổng dư nợ hộ nghèo

Nguyên nhân NQH là do những rủi ro bất khả kháng (thiên tai dịch họa); do người vay trốn, chết, mất tích mà hộ vay không có khả năng trả nợ; do SXKD thua lỗ; do sử dụng vốn sai mục đích, không có vật tư đảm bảo; do người vay cố ý chây ì; do tổ trưởng tổ TK&VV chiếm dụng; do cán bộ tổ chức hội chiếm dụng và một số nguyên nhân khác. Bên cạnh nguyên nhân khách quan nêu trên, còn có nguyên nhân chủ quan từ phía các cơ quan quản lý nguồn vốn, UBND các cấp chưa làm tốt trong việc chỉ đạo, đơn vị nhận uỷ thác chưa thực hiện đầy đủ 6 công đoạn uỷ thác, cán bộ ngân hàng chưa sâu sát địa bàn, Tổ TK&VV chưa đôn đốc kịp thời các khoản nợ của tổ viên khi đến hạn...

Vấn đề nổi cộm trong hoạt động tín dụng là tình trạng **chiếm dụng xâm tiêu** còn lớn. Nguyên nhân là do công tác quản lý vốn vay của cán bộ ngân hàng và đơn vị nhận uỷ thác chưa sâu sát, chưa kiểm tra, giám sát thường xuyên, ít đi cơ sở; việc tuyên truyền của địa phương đến nhân dân còn hạn chế do đó việc chấp hành quy trình nghiệp vụ của NHCSXH không đúng quy định, tạo “kê hở” cho đối tượng chiếm dụng xâm tiêu vốn của nhà nước. Trong năm 2009, NHCSXH đã phối hợp với các cơ quan ban ngành để xử lý các khoản nợ kê cả trường hợp cưỡng chế tài sản do đó đã thu hồi được, giảm nợ chiếm dụng xâm tiêu đến cuối năm 2010 xuống còn 1.245 triệu đồng.

Qua 5 năm hoạt động cho thấy chất lượng tín dụng hộ nghèo đảm bảo, **số lượt hộ nghèo được vay vốn** tạo vòng quay vốn nhanh, hộ nghèo có nhu cầu đều được ưu tiên giải quyết kịp thời. nên mức dư nợ bình quân trên hộ vay vốn từ 4,08 triệu năm 2006 lên đến 10,5 triệu năm 2010. Trong thời gian qua, các đơn vị nhận uỷ thác lựa chọn lại ban quản lý tổ và thực hiện sắp xếp các hộ vay theo từng địa bàn thôn, xóm do đó từ 4.500 tổ TK&VV năm 2006, đến nay toàn thành phố có 1.460 tổ vay vốn với 37.951 hộ nghèo tham gia, bình quân mỗi tổ 26 hộ vay..

#### *2.4.3.2. Tình hình cho vay hộ nghèo theo mục đích sử dụng vốn*

Các khoản vay của hộ nghèo từ NHCSXH được sử dụng chủ yếu vào việc mua các yếu tố đầu vào như: mua vật tư hàng hóa, mua nguyên vật liệu để sản xuất kinh doanh, mua giống cây trồng, vật nuôi ...chiếm tỷ lệ trên 70%, ngoài ra một số hộ nghèo sử dụng vào mục đích khác như tiêu thụ công nghiệp chiếm tỷ lệ thấp (dưới 30%). Tín dụng cho hộ nghèo đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp, phát triển ngành nghề tạo thêm việc làm mới, tận dụng lao động nông thôn, góp phần thực hiện phân công lại lao động trong nông thôn.

#### *2.4.3.3. Tình hình cho vay hộ nghèo địa bàn*

Cơ cấu vốn đầu tư cho các quận, huyện được phân bổ đều trên tất cả các đơn vị theo tỷ lệ hộ nghèo. Dư nợ của các quận, huyện tăng đều so với các năm. Nguồn vốn tập trung đầu tư cho huyện Hoà Vang là nơi có tỷ lệ hộ nghèo lớn. Dư nợ của huyện Hoà Vang đang lớn nhất, với tốc độ tăng bình quân trên là 10% lớn hơn so với toàn thành phố. Tuy nhiên, trong năm 2006, 2007, 2008 cho vay hộ nghèo còn tập trung ở quận Thanh Khê chiếm tỷ trọng cao (16,7%) trên toàn địa bàn thành phố Đà Nẵng và năm 2009 con số này thuộc về huyện Hoà Vang (15,6%).

Tuy nhiên, chất lượng tín dụng một số địa phương còn hạn chế, nợ quá hạn cao, việc xử lý nợ đến hạn, nợ gặp rủi ro còn rất chậm và không kịp thời nên số nợ xấu và nợ quá hạn chưa chuyên cao. Tỷ lệ nợ quá hạn trong năm 2009-2010 cao, đặc biệt quận Thanh Khê. Việc xử lý nợ khoanh ở các quận, huyện năm 2009 được thực hiện rất triệt để và có tỷ lệ cao hơn hẳn năm 2008.

#### *2.4.3.4 Tình hình cho vay hộ nghèo theo phương thức uỷ thác*

Số tuyệt đối dư nợ của các hội như: Hội Nông Dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên tuy không cao so với dư nợ của hội phụ nữ. Hội PN đóng vai trò là hội chủ đạo nhất trong hoạt động cho vay vốn hộ nghèo. Tương đương dư nợ lớn là NQH của hội cũng lớn nhất trong 4 tổ chức được uỷ thác với 4.947 triệu đồng năm 2010. Tỷ lệ NQH của các tổ chức hội ND, hội CCB, Đoàn thanh niên là khá ổn định và nhỏ, giảm trong 2007- 2008, tuy nhiên trong năm 2009-2010 tỷ lệ nợ quá hạn của 4 tổ chức hội tăng cao. Nguyên nhân có thể do hội PN chưa làm tốt công tác đôn đốc hộ nghèo có trách nhiệm trả gốc, hoặc cũng có thể nhiều hộ nghèo gặp nhiều khó khăn bất ngờ nên chưa trả được.

Nhìn chung, qua các năm công tác tín dụng ở NHCSXH Đà Nẵng đã có những chuyển biến tích cực.

#### *2.4.3.5 Tình hình thu chi nghiệp vụ*

NHCSXH là một tổ chức tín dụng của Nhà nước, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nên chi nhánh phải phần đầu khai thác tối đa nguồn thu lãi cho vay để đảm bảo cân đối các khoản chi cần thiết cho hoạt động theo quy chế quản lý tài chính được Chính phủ, ngành quy định.

Việc giao kế hoạch tài chính hằng năm được thực hiện theo nguyên tắc khoán thu, khoán chi trên cơ sở định mức giao của Bộ Tài chính cho toàn ngành.

## **2.5 Đánh giá hoạt động kiểm tra, giám sát đối với cho vay hộ nghèo**

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng luôn được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng. Hàng năm, BDD HĐQT các cấp, NHCSXH từ thành phố đến quận, huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra tại cơ sở, kiểm tra tại tổ TK&VV. Ngoài ra, các tổ chức hội nhận uỷ thác tổ chức đối chiếu công khai đến từng hộ vay. Thông qua các đoàn đã đánh giá cao công tác cho vay và quản lý vốn vay.. Bên cạnh đó qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời chấn chỉnh, xử lý những sai sót như tổ trưởng tổ TK&VV thu tiền gốc, lãi của tổ viên nhưng không nộp cho ngân hàng, cán bộ xã thực hiện chưa đúng quy trình nghiệp vụ cho vay, trách nhiệm trong việc quản lý nguồn vốn chưa cao còn nợ quá hạn chậm xử lý; các bảng hiệu giao dịch tại các điểm giao dịch chưa công khai đầy đủ nội dung như thiếu sao kê công khai, hòm thư góp ý...

## **2.6 Phân tích kết quả điều tra xã hội học về hoạt động tín dụng hộ nghèo tại Chi nhánh NHCSXH trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.**

Để đánh giá việc sử dụng đồng vốn của hộ nghèo, nhận xét của hộ nghèo đối với hoạt động tín dụng ưu đãi, tác động của hoạt động tín dụng hộ nghèo đối với chương trình giảm nghèo của thành phố. Sử dụng bản câu hỏi điều tra soạn sẵn, chọn 100 hộ, ưu tiên cho các phường, xã thuộc 3 quận Hải Châu, quận Sơn Trà, huyện Hoà Vang. Sau điều tra, phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố sau:

*\* Phân tích mối quan hệ giữa mức vay và hiệu quả vay vốn*

*\* Phân tích mối quan hệ giữa mục đích sử dụng vốn và hiệu quả vay vốn.*

*\* Phân tích mối quan hệ giữa thời hạn vay vốn và hiệu quả vay vốn.*



\* *Phân tích mối quan hệ giữa rủi ro và khả năng trả nợ của các hộ nghèo*

\* *Phân tích cảm nhận của hộ nghèo về quy trình, thủ tục vay vốn tại NHCSXH chi nhánh TP ĐN*

## **2.7 Đánh giá chung về hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo của NHCSXH Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng**

### **Những mặt được:**

- Dự nợ tăng trưởng đều qua các năm, tỷ lệ nợ quá hạn được duy trì ở mức cho phép.

- Khả năng tiếp cận vốn ưu đãi của hộ nghèo khá tốt.

- NHCSXH Đà Nẵng đã kiểm soát khá tốt mục đích sử dụng vốn vay của hộ nghèo

- Quy trình, thủ tục cho vay đơn giản, chính sách cho vay tương đối hợp lý.

### **Tồn tại:**

*Thứ nhất*, về chất lượng hoạt động của tổ TK&VV:

Các thành viên trong tổ TK&VV chưa kiên quyết trong việc bình xét cho vay tại tổ, chưa giám sát việc sử dụng vốn vay, chưa tạo ra sức ép của tổ đối với cá biệt hộ vay vốn có nợ quá hạn, nợ chây ì; một số hộ ý thức trả nợ kém.

*Thứ hai*, về năng lực quản lý, điều hành của các đơn vị nhận uỷ thác: ở những nơi các cấp hội nhận uỷ thác cho vay, không có sự kiểm tra, kiểm soát và tranh thủ sự chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương để chỉ đạo hoạt động của Tổ TK&VV, nguồn vốn tín dụng chính sách phát huy kém hiệu quả, nguyên nhân rủi ro tín dụng cao.

*Thứ ba*, một bộ phận cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và các hội, đoàn thể nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí đôi lúc còn lệch lạc.

*Thứ tư*, công tác tổ chức đào tạo và đào tạo lại tay nghề cho cán bộ xã, phường, cán bộ hội, đoàn thể, tổ TK&VV chưa quan tâm đúng mức, thiếu chất lượng..

*Thứ năm*, việc cho vay vốn chưa có sự lồng ghép với nội dung tập huấn những kiến thức về khoa học kỹ thuật, hướng dẫn chăn nuôi trồng trọt.

*Thứ sáu*, chất lượng cán bộ làm công tác tín dụng kém, chưa đủ trình độ để đánh giá khách hàng, đánh giá không đúng thực lực và khả năng của khách hàng.

*Thứ bảy*, yếu tố thị trường cũng ảnh hưởng đến hoạt động của NHCSXH.

*Thứ tám*, Quy trình giải ngân và thu nợ của NH chưa hợp lý. Việc bình xét cho vay qua nhiều khâu, kéo dài thời gian; mức cho vay cao bằng, công tác thu hồi nợ theo hình thức 6 tháng hoặc 12 tháng đối với cho vay trung hạn của hộ nghèo gặp khó khăn.

*Xét về mặt xã hội*, chương trình đã có những thành công đáng ghi nhận trong công cuộc xoá đói giảm nghèo, góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 8,74% năm 2010.

Dư luận xã hội đánh giá cao và đồng tình với hoạt động của NHCSXH trên địa bàn, vốn tín dụng chính sách thật sự có ý nghĩa đối với hộ nghèo, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

### **Kết luận chương 2.**

Vốn cho vay hộ nghèo đạt hiệu quả thì mới góp phần thực hiện được mục tiêu XDGN của Đảng và Nhà nước đề ra. Luận văn đã đánh giá về kết quả hoạt động cho vay XDGN của NHCSXH chi

nhánh thành phố Đà Nẵng trong thời gian vừa qua. Từ chương 2 đã chỉ ra những tồn tại và nguyên nhân cho vay hộ nghèo tại NHCSXH chi nhánh thành phố Đà Nẵng; từ đó làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp phù hợp để hoàn thiện hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo trong thời gian đến.

### **CHƯƠNG 3**

## **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ƯU ĐÃI HỘ NGHÈO TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHI NHÁNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

### **3.1 Mục tiêu của Thành phố trong công tác giảm nghèo giai đoạn 2009-2015**

Giảm 2,00%-3,20% hộ nghèo/năm, đến 2015 cơ bản không còn hộ nghèo.

### **3.2 Phương hướng, mục tiêu hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố ĐN giai đoạn 2010-2015**

- Phân đầu huy động nguồn vốn tăng trưởng hàng năm 15-20%, tăng trưởng các chương trình tín dụng bình quân hàng năm 15-20%; phân đầu đạt dư nợ đến 2015 là 1.000 tỷ đồng.

- Nâng cao chất lượng tín dụng, khống chế nợ xấu, đảm bảo tỷ lệ nợ quá hạn không vượt quá quy định, giải quyết 70% nợ xâm tiêu cũ, không để xảy ra nợ xâm tiêu mới.

- Tổ chức giao dịch lưu động hàng tháng tại trụ sở UBND đối với 100% xã, phường theo đúng quy định;

- Củng cố, kiện toàn tổ Tiết kiệm và vay vốn gắn với thôn, tổ dân phố.

- Thực hiện hoàn thành mức khoán thu chi tài chính.

### **3.3 Giải pháp hoàn thiện hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo tại NHCSXH Chi nhánh thành phố Đà Nẵng**

### **3.3.1. Hoàn thiện mạng lưới hoạt động**

Mở tổ giao dịch lưu động làm việc tại tất cả xã, phường.

*3.3.1.1. Điểm giao dịch tại xã, phường*

*3.3.1.2. Cung cố, hoàn thiện tổ tiết kiệm và vay vốn*

### **3.3.2 Tăng cường nguồn vốn nhằm mở rộng cho vay hộ nghèo**

Nguồn vốn đóng vai trò quan trọng đối với chính sách cho vay vốn hộ nghèo. Ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước, NHCSXH thực hiện hình thức huy động tiền gửi tiết kiệm trong dân cư và trong cộng đồng người nghèo, qua đó tạo ý thức tiết kiệm cho những người nghèo, tạo nguồn trả nợ, tạo ra sự gắn bó trách nhiệm với tổ vay vốn.

### **3.3.3. Đẩy mạnh tín dụng ủy thác qua các tổ chức chính trị - xã hội**

- Trong thời gian qua công tác ủy thác cho vay qua các hội đoàn thể vẫn còn một số tồn tại. Do đó, để tiếp tục duy trì và đẩy mạnh phương thức ủy thác trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số việc sau: duy trì thường xuyên lịch giao ban giữa NHCSXH với tổ chức hội nhận ủy thác theo định kỳ; thường xuyên trao đổi thông tin cho nhau về tình hình cho vay, thu nợ, nợ quá hạn... Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức nhận ủy thác; thực hiện tốt 06 khâu được NHCSXH ủy thác; không thu bất kỳ một khoản phí nào của hộ vay vốn.

### **3.3.4. Gắn công tác cho vay vốn với hướng dẫn cách làm ăn**

*3.3.4.1. Công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư*

*3.3.4.2. Thị trường*

*3.3.4.3 Đầu tư thông qua các chương trình lồng ghép*

### **3.3.5. Thực hiện công khai hóa - xã hội hóa hoạt động NHCSXH**

Việc công khai hoá chính sách cho vay của NHCSXH là việc làm hết sức cần thiết. Để làm được việc này phải có sự tham gia tích cực, thường xuyên với tinh thần trách nhiệm cao của cấp uỷ, chính quyền và các ban, ngành các cấp vào hoạt động của NHCSXH (xã hội hoá hoạt động ngân hàng).

*3.3.5.1. Chính sách tín dụng của NHCSXH*

*3.3.5.2. Hồ sơ thủ tục vay vốn*

*3.3.5.3. Hòm thư góp ý*

*3.3.5.4. Sự tham gia của chính quyền và các ban ngành vào hoạt động xóa đói giảm nghèo*

### **3.3.6. Đẩy mạnh cho vay theo dự án, nâng suất đầu tư cho hộ nghèo lên mức đối đa**

*3.3.6.1. Cho vay theo dự án vùng, tiểu vùng*

*3.3.6.2. Mức cho vay hộ nghèo, thời hạn cho vay linh hoạt theo dự án và đối tượng vay vốn ở từng vùng*

Để góp phần cho hộ nghèo sử dụng vốn vay có hiệu quả thì NHCSXH cần phối hợp với các tổ chức hội, chỉ đạo ban quản lý tổ vay vốn thực hiện dân chủ, công khai trong quá trình bình xét cho vay; trên cơ sở nhu cầu vay vốn của các hộ ngân hàng đáp ứng tối đa. . Phần đầu mức cho vay bình quân/ hộ là 20 triệu đồng. Việc cung ứng vốn cho hộ nghèo phải kịp thời.

*Về cách thức thu nợ:* nên chia nhỏ các khoản trả nợ theo từng kỳ hạn chẳng hạn như theo quý, hoặc vận động hộ vay tham gia gửi tiền tiết kiệm hàng tháng để đến kỳ hạn trả nợ gốc hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đúng hạn.

*3.3.6.3. Đa dạng hóa các ngành nghề đầu tư*

### **3.3.7. Tăng cường hệ thống kiểm tra, giám sát**

### **3.3.8. Đẩy mạnh công tác đào tạo**

Tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ NHCSXH, cán bộ tổ chức nhận uỷ thác, ban quản lý tổ vay vốn bằng nhiều giải pháp như thông qua cuộc họp giao ban giữa NHCSXH với các tổ chức hội cấp; ngân hàng thông báo các chính sách tín dụng mới cho cán bộ hội biết.

## **3.4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

### **3.4.1. Đối với Chính phủ**

- Chuẩn nghèo hiện nay là quá thấp do đó đề nghị Chính phủ sớm điều chỉnh lại chuẩn nghèo mới, để nhiều người dân nghèo được thụ hưởng nhiều hơn chính sách ưu đãi của nhà nước..

- Không bao cấp về lãi suất, nên nâng mức vốn vay, thời hạn cho vay, xử lý kịp thời các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan cho khách hàng vay vốn;

- Chính phủ tiếp có văn bản chỉ đạo cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp, thực hiện nghiêm túc việc bình xét hộ nghèo từng năm; việc bình xét phải thực hiện công khai, dân chủ, đúng với thực tế.

### **3.4.2. Đối với NHCSXH Việt Nam**

- Chủ động trong việc tạo lập nguồn vốn, cần huy động vốn từ dân cư, các tổ chức tài chính thế giới, các quỹ hỗ trợ của các chính phủ nước ngoài, của các tổ chức phi chính phủ.

- Nâng mức cho vay đối với hộ nghèo, kéo dài thời gian cho vay.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ nghèo và tín dụng của hộ nghèo.

**3.4.3. Đối với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp tại thành phố Đà Nẵng**

- Đề nghị UBND thành phố chuyển đủ nguồn vốn từ ngân sách địa phương hàng năm, đồng thời chỉ đạo UBND các huyện tiếp tục trích ngân sách địa phương để làm nguồn vốn cho vay hộ nghèo.

- Đề nghị UBND thành phố tập trung các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách thành phố chuyển giao cho NHCSXH quản lý để tránh cho vay chòng chéo các đối tượng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động cho vay của NHCSXH,.

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật mới trong SXKD.

- Cần phát triển thị trường lao động phổ thông, tiến hành thường xuyên hơn các hội chợ việc làm, làm cầu nối giữa cung và cầu lao động.

- Các hội đoàn thể cần tổ chức hướng dẫn sử dụng vốn và tư vấn kinh doanh cho các hộ nghèo..

- Đề nghị UBND xã, phường tiếp tục hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho mọi mặt hoạt động của NHCSXH.

#### **3.4.4. Đối với Ngân hàng CSXH Chi nhánh thành phố Đà Nẵng**

- Thường xuyên tham mưu cho Ban đại diện HĐQT thành phố phân bổ nguồn vốn cho vay hộ nghèo.

- Hàng năm tham mưu cho UBND các cấp trích một phần ngân sách thành phố để làm nguồn vốn cho vay.

- Có biện pháp xử lý thích hợp với các trường hợp sử dụng vốn không đúng mục đích, nợ quá hạn do chây ỳ, nợ chiếm dụng xâm tiêu.

- NHCSXH cần kết hợp với các hội đoàn thể, các tổ dân phố tổ chức định kỳ hội nghị gương thoát nghèo điển hình..

## KẾT LUẬN

Chương trình mục tiêu quốc gia XĐGN là trách nhiệm đồng thời cũng là nghĩa vụ của Đảng và Nhà nước đối với người nghèo. Nhận thức được điều này, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng nỗ lực và cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ, sứ mệnh cao cả của mình. Chính sách tín dụng đối với hộ nghèo đã nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của quần chúng nhân dân và trở thành người bạn đồng hành của người nghèo, xã nghèo, vùng nghèo.

Qua 5 năm hoạt động (2006-2010) chi nhánh NHCSXH thành phố ĐN đã có những đóng góp to lớn đối với sự nghiệp XĐGN nói chung và của thành phố ĐN nói riêng. Đã có nhiều hộ nghèo thoát nghèo, vươn lên làm giàu và có cuộc sống khả giả từ vốn vay hộ nghèo. Trong quá trình triển khai thực hiện, bên cạnh những ưu điểm nổi bật thì nó vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định. Cụ thể, nợ quá hạn, nợ khoanh còn cao, tốc độ giải ngân của ngân hàng chưa hợp lý, tình trạng xâm tiêu còn nhiều. Vì vậy nội dung của đề tài là nhằm nghiên cứu thực trạng hiện nay và đưa ra những giải pháp để góp phần hoàn thiện hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo trên địa bàn thành phố. Bên cạnh đó, đề tài đưa ra các đề xuất, kiến nghị với NHCSXH Việt Nam, với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương các cấp, với Chi nhánh NHCSXH thành phố.

Dưới góc độ nhìn nhận và đánh giá của một học viên, quá trình phân tích và đánh giá không tránh được sai sót những thiếu sót nhưng hy vọng rằng bằng tâm huyết và nỗ lực của mình đề tài sẽ góp phần hoàn thiện hoạt động tín dụng ưu đãi hộ nghèo trong thời gian tới.